

Số: 2103 /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Chương VI "Điều lệ trường đại học" ban hành kèm theo Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30-07-2003 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quyền hạn và trách nhiệm của hiệu trưởng trường đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGD&ĐT, ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành **QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ** của Trường Đại học Cần Thơ.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực từ kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

Điều 3. Các ông Trưởng phòng Đào tạo, Kế hoạch tổng hợp, các đơn vị đào tạo sau đại học và NCS thi hành quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Nguyễn Anh Tuấn

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu ĐT

QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2103 /2009/ĐHCT ngày 31/12/2009
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Cần Thơ bao gồm quy định về đơn vị đào tạo, tuyển sinh, chương trình và tổ chức đào tạo, luận án và bảo vệ luận án.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo những nhà khoa học, có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ và hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

Điều 3. Hình thức và thời gian đào tạo

1. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục; đối với người có bằng tốt nghiệp đại học nhưng chưa có bằng thạc sĩ chuyên ngành phù hợp là 4 năm tập trung liên tục.

2. Trường hợp nghiên cứu sinh (NCS) không theo học tập trung liên tục được và được Trường chấp nhận thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của NCS phải có tổng thời gian học và nghiên cứu như quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo để thực hiện đề tài nghiên cứu. Trong trường hợp này thời gian đào tạo được cộng thêm 1 năm tương ứng với từng đối tượng quy định ở khoản 1 Điều này.

Chương II TUYỂN SINH

Điều 4. Thời gian và hình thức tuyển sinh

1. Thời gian tuyển sinh: mỗi năm, tùy theo nhu cầu và chỉ tiêu tuyển sinh, Trường tổ chức từ 1 đến 2 kỳ thi tuyển NCS vào tháng 2 và tháng 8 hàng năm.

2. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển.

Điều 5. Điều kiện dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau:

1. Có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Trường hợp chưa có bằng thạc sĩ thì phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại khá trở lên, ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển (Danh mục các chuyên ngành phù hợp, ngành gắn với từng chuyên ngành đào tạo và những học phần học bổ sung được công bố trong thông báo tuyển sinh hàng năm).

2. Có 1 bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn Trường; kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh

trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp, đề xuất người hướng dẫn.

3. Có 2 thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành; hoặc 1 thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh khoa học hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và 1 thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh. Những người giới thiệu này cần có ít nhất 6 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể: a) Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp; b) Năng lực hoạt động chuyên môn; c) Phương pháp làm việc; d) Khả năng nghiên cứu; đ) Khả năng làm việc theo nhóm; e) Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển; g) Triển vọng phát triển về chuyên môn; h) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm NCS.

4. Đạt một trong các điều kiện sau về trình độ ngoại ngữ:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ trong và ngoài nước mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là tiếng Anh không qua phiên dịch;
- b) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh;
- c) Hoàn thành học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo thạc sĩ đối với người có bằng thạc sĩ;
- d) Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL ITP 400, TOEFL iBT 32; IELTS 4.0 hoặc TOEIC 400 trở lên hoặc tương đương. Trình độ ngoại ngữ tương đương được xác định theo chuẩn B1, B2 của Khung Châu Âu Chung (Common European Framework – CEF);
- đ) Trong trường hợp chưa đạt một trong các điều kiện trên, thí sinh phải tham dự kỳ thi đánh giá đầu vào môn ngoại ngữ bậc thạc sĩ và có kết quả đạt yêu cầu;
- đ) Được cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm), hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

5. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính (đóng học phí; hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ).

Điều 6. Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký, tiểu ban chuyên môn

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh gồm Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các ủy viên để thực hiện các công tác tuyển sinh.

2. Hội đồng tuyển sinh ra Quyết định thành lập Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh và Tiểu ban chuyên môn.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh:

- a) Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển; thu lệ phí dự tuyển;
- b) Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh gửi tới khoa chuyên môn;
- c) Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các tiểu ban chuyên môn, tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;
- d) Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho tất cả các thí sinh dự tuyển.

Trách nhiệm của Trưởng ban Thư ký: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

4. Tiểu ban chuyên môn:

- a) Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh, Trưởng khoa chuyên môn đề xuất các tiểu ban chuyên môn và thành viên của từng tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định;
- b) Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS có ít nhất 5 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là thành viên của đơn vị chuyên môn, cán bộ khoa học, giảng viên trong Khoa thuộc cơ sở đào tạo hoặc ngoài cơ sở đào tạo do Trưởng khoa mời (nếu cần) và người dự kiến hướng dẫn nếu thí sinh trúng tuyển. Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có Trưởng tiểu ban và các thành viên tiểu ban;
- c) Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, bài luận về dự định nghiên cứu và việc trình bày, trao đổi xung quanh dự định nghiên cứu của thí sinh, xếp loại các thí sinh dự tuyển theo mức độ xuất sắc, khá, trung bình hoặc không tuyển; gửi kết quả về Ban Thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

Điều 7. Quy trình xét tuyển NCS

1. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn tổ chức xét tuyển NCS: đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển, kết quả học tập ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học đã có; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong 2 thư giới thiệu.

2. Thí sinh trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS. Vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu mà đơn vị chuyên môn đang thực hiện, có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn; Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá thí sinh về các mặt: tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về ý tưởng đối với các mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ, tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và những tư chất cần có của một NCS. Tiểu ban chuyên môn phải có bản nhận xét, đánh giá thí sinh về các nội dung này (theo mẫu).

3. Căn cứ các yêu cầu đánh giá, Tiểu ban chuyên môn xây dựng thang điểm đánh giá, tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh.

4. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh quy định nguyên tắc xét tuyển và xác định danh sách thí sinh trúng tuyển căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được Hiệu trưởng quyết định cho từng chuyên ngành đào tạo. Hiệu trưởng phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển.

Điều 8. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

1. Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Trường gửi giấy gọi nhập học đến các thí sinh được tuyển chọn.

2. Sau khi thí sinh đăng ký nhập học chính thức, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận NCS, hướng nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu (nếu đã xác định), chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của NCS.

Chương III CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 9. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ nhằm giúp NCS hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, có hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành; có kiến thức rộng về các ngành liên quan; hỗ trợ NCS rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết. Nội dung chương trình phải hỗ trợ NCS tự học những kiến thức nền tảng, vững chắc về các học thuyết và lý luận của ngành, chuyên ngành; các kiến thức có tính ứng dụng của chuyên ngành; phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu trước các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế.

2. Phương pháp đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học; coi trọng rèn luyện thói quen nghiên cứu khoa học, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

3. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ gồm ba phần:

a) Phần 1: Các học phần bổ sung;

b) Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;

c) Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do các Khoa/Viện phụ trách chuyên ngành xây dựng trên cơ sở khối lượng kiến thức và yêu cầu quy định tại Điều 10, 11, 12 và 13 của Quy định này. Chương trình đào tạo phải được thông qua Hội đồng khoa học đào tạo Trường và Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 10. Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung là các học phần giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của NCS.

1. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng, được học trong hai năm đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ, có khối lượng từ 27 đến 36 tín chỉ, chưa kể các môn triết học và ngoại ngữ.

2. Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp thì trên cơ sở đối chiếu với chương trình

đào tạo hiện tại, Khoa/Viện phụ trách chuyên ngành đào tạo yêu cầu NCS học bổ sung các học phần cần thiết theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu.

2. Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm hoặc do Trường khác cấp thì Hội đồng Khoa học đào tạo Khoa/Viện đối chiếu với chương trình đào tạo (CTĐT) xác định các học phần NCS cần phải học bổ sung để đạt yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu.

3. Trường hợp cần thiết, nếu chương trình đào tạo trình độ đại học của NCS còn thiếu những học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ tiến sĩ, Khoa/Viện có thể yêu cầu NCS học bổ sung một số học phần ở trình độ đại học.

4. Hiệu trưởng quyết định các học phần NCS cần học bổ sung; khối lượng tín chỉ cần bổ sung cho trường hợp quy định tại khoản 2, 3 Điều này.

Điều 11. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

1. Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp NCS cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu. Mỗi học phần được thiết kế với khối lượng từ 2 đến 3 tín chỉ. Mỗi NCS phải hoàn thành từ 3 đến 5 học phần với khối lượng từ 8 đến 12 tín chỉ thuộc trình độ tiến sĩ.

2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần lựa chọn, trong đó các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành. Các học phần lựa chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài NCS hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học.

3. Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi NCS tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của NCS, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp NCS giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi NCS phải hoàn thành từ 2 đến 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng từ 4 đến 6 tín chỉ.

4. Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi NCS thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

5. Hiệu trưởng quyết định và công bố công khai trước khi khai giảng khóa đào tạo các nội dung: danh mục, mục tiêu, yêu cầu, nội dung các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ của từng chuyên ngành đào tạo; cách đánh giá, yêu cầu điểm tối thiểu cho mỗi học phần mà NCS cần đạt; cách báo cáo, cách đánh giá các báo cáo chuyên đề và đánh giá tiểu luận tổng quan của NCS.

Điều 12. Nghiên cứu khoa học

1. Nghiên cứu khoa học là giai đoạn đặc thù, mang tính bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ. Tùy theo tính chất của lĩnh vực nghiên cứu thuộc khoa học xã hội nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, công nghệ mà cơ sở đào tạo có các yêu cầu khác nhau đối với việc đánh giá hiện trạng tri thức, giải pháp

công nghệ liên quan đến đề tài luận án, yêu cầu điều tra, thực nghiệm để bổ sung các dữ liệu cần thiết, yêu cầu suy luận khoa học hoặc thiết kế giải pháp, thí nghiệm để từ đó NCS đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới. Đây là các cơ sở quan trọng nhất để NCS viết luận án tiến sĩ.

2. Nội dung, quy mô nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Tùy theo tính chất của đề tài nghiên cứu mà cơ sở đào tạo, người hướng dẫn phải đầu tư đủ kinh phí và cơ sở vật chất thí nghiệm, đội ngũ để NCS tiến hành xong các nghiên cứu cần thiết. NCS phải đảm bảo về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của mình, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

3. Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu vì lý do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến thì để đảm bảo chất lượng luận án NCS được đăng ký kéo dài thời gian nghiên cứu. Các chi phí đào tạo trong thời gian kéo dài do NCS chịu hoặc do đơn vị cử đi học hoặc cơ sở đào tạo hỗ trợ nếu có điều kiện.

Điều 13. Luận án tiến sĩ

Là một công trình nghiên cứu khoa học độc đáo, sáng tạo trong lĩnh vực nghiên cứu, có đóng góp về mặt lý luận, chứa đựng những tri thức hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải quyết sáng tạo các vấn đề đang đặt ra với một ngành khoa học hoặc thực tiễn xã hội.

Luận án tiến sĩ có khối lượng khoảng 100 trang A4, trong đó trên 50% là trình bày các kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng NCS. Nội dung và hình thức trình bày luận án phải theo qui định chung của Trường.

Điều 14. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và các chuyên đề tiến sĩ

1. Sau khi có quyết định công nhận NCS, căn cứ trình độ của từng NCS, văn bằng NCS đã có, các học phần NCS đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ, người hướng dẫn NCS và Hội đồng Khoa học – Đào tạo cấp Khoa/Viện đề xuất chương trình đào tạo của NCS bao gồm các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ; các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ trình Hiệu trưởng phê duyệt. NCS làm việc với người hướng dẫn khoa học xây dựng kế hoạch học tập trình Khoa/Viện duyệt và NCS căn cứ vào đó thực hiện.

2. Đối với các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ, NCS phải theo học cùng các lớp đào tạo trình độ tương ứng của Trường hoặc cơ sở đào tạo khác do Trường quy định. Đối với các học phần ở trình độ tiến sĩ do Trường tổ chức thực hiện.

3. Trong thời gian tối đa là 24 tháng kể từ khi trúng tuyển, Khoa/Viện phải tổ chức để NCS hoàn thành phần 1 và phần 2 của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và tiểu luận tổng quan của NCS phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a) Khuyến khích và đòi hỏi chủ động tự học, tự nghiên cứu của NCS;

b) Việc đánh giá các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ thực hiện theo quy trình đánh giá khách quan, liên tục trong quá trình đào tạo.

5. Những NCS có kết quả các học phần, các chuyên đề tiến sĩ hoặc tiểu luận tổng quan không đủ điều kiện tiếp tục làm NCS thì có thể được xem xét bổ sung một số học

phần hoặc kết quả nghiên cứu để được cấp bằng thạc sĩ nếu NCS chưa có bằng thạc sĩ và có đơn đề nghị.

6. Hội đồng Khoa học - Đào tạo cấp Khoa/Viện có nhiệm vụ xây dựng chương trình đào tạo, định kỳ hai năm một lần bổ sung, điều chỉnh danh mục và nội dung các học phần, các chuyên đề tiến sĩ theo yêu cầu của ngành đào tạo và quy định của cơ sở đào tạo, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

7. Tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần và điểm học phần: Các học phần bổ sung và các học phần ở trình độ tiến sĩ được áp dụng theo Điều 15, 16 và 17 của Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ. Các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan sẽ được đánh giá thông qua các tiểu ban.

NCS chỉ được tiếp tục đào tạo khi đã hoàn thành phần 1 và phần 2 của chương trình đào tạo trong thời gian 24 tháng đối với NCS có bằng thạc sĩ và 36 tháng đối với người chưa có bằng thạc sĩ. Trong trường hợp chưa hoàn thành, NCS có thể viết đơn xin gia hạn để Trường xem xét, thời gian gia hạn tối đa là 6 tháng. Sau thời gian gia hạn, nếu không hoàn thành, NCS sẽ bị xóa tên. Trường hợp NCS chưa có bằng thạc sĩ, đã hoàn thành các học phần bổ sung, học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ hoặc tiểu luận tổng quan, NCS có thể viết đơn đề nghị xem xét cấp bằng thạc sĩ.

Điều 15. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận án

Trước khi bảo vệ luận án, NCS phải có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau đây:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ trong hoặc ngoài nước mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là tiếng Anh hoặc không qua phiên dịch;
- b) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh;
- c) Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT 61 điểm hoặc TOEFL ITP (nội bộ) 500 điểm, IELTS 5.0 hoặc TOEIC 600 trở lên hoặc tương đương. Trình độ ngoại ngữ tương đương được xác định theo chuẩn B1, B2 của Khung Châu Âu Chung (Common European Framework – CEF).

Điều 16. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Việc thay đổi đề tài luận án chỉ được thực hiện trong nửa đầu thời gian đào tạo.
2. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn chỉ thực hiện chậm nhất một năm trước khi NCS bảo vệ luận án.

Các thay đổi ở khoản 1 và 2 phải được Khoa/Viện đề xuất, trình Hiệu trưởng quyết định.

3. Khi có lý do chính đáng, NCS có thể xin chuyển Trường với điều kiện thời hạn học tập theo quy định còn ít nhất là một năm, được Trường đồng ý, được cơ sở chuyển đến tiếp nhận.

4. **NCS được xác định là hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu trong thời hạn quy định, luận án đã được thông qua ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.**

Nếu NCS không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định thì chậm nhất 3 tháng trước khi hết hạn phải làm đơn xin phép gia hạn học tập, có ý kiến của đơn vị cử đi học (nếu có). **Việc gia hạn học tập chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng với các điều kiện đảm bảo trong phạm vi thời gian gia hạn NCS hoàn thành được nhiệm vụ học tập, nghiên cứu. NCS có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài**

chính phát sinh khi gia hạn theo thông báo của Trường. Thời gian gia hạn không quá 24 tháng. Đối với NCS không tập trung, khi được gia hạn phải làm việc tập trung tại cơ sở đào tạo để hoàn thành luận án trong thời gian được gia hạn.

5. Khi NCS hoàn thành xuất sắc chương trình đào tạo và đề tài nghiên cứu thể hiện ở kết quả nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước hoặc nước ngoài có uy tín thì có thể đề nghị được bảo vệ sớm luận án. Hiệu trưởng xem xét quyết định việc bảo vệ sớm căn cứ kết quả học tập và nghiên cứu khoa học của NCS, đề nghị của người hướng dẫn, đề nghị của thủ trưởng đơn vị công tác và ý kiến đánh giá, đề nghị của Hội đồng Khoa học – Đào tạo cấp Khoa/Viện.

6. Khi NCS hết thời gian đào tạo (kể cả thời gian gia hạn nếu có) hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo (kể cả khi NCS bảo vệ sớm trước thời hạn), Hiệu trưởng có văn bản thông báo cho đơn vị cử NCS đi học biết và có đánh giá về kết quả nghiên cứu và thái độ của NCS trong quá trình học tập tại Trường.

7. Sau khi hết thời gian đào tạo, nếu chưa hoàn thành luận án, NCS vẫn có thể tiếp tục thực hiện đề tài luận án và trở lại Trường trình luận án để bảo vệ nếu đề tài luận án và các kết quả nghiên cứu vẫn đảm bảo tính thời sự, giá trị khoa học; được người hướng dẫn, Hiệu trưởng đồng ý.

Thời gian tối đa cho phép trình luận án để bảo vệ là 7 năm (84 tháng) kể từ ngày có quyết định công nhận NCS. Quá thời gian này, NCS không được bảo vệ luận án và các kết quả học tập thuộc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

Điều 17. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có phẩm chất đạo đức và tư cách tốt.
2. Có bằng tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư ở chuyên ngành hoặc ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.
3. Có năng lực chuyên môn tốt và hiện đang hoạt động nghiên cứu khoa học, thể hiện ở các bài báo, công trình được công bố trước và trong thời gian tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 18. Người hướng dẫn NCS

1. Người hướng dẫn NCS phải là người có chuyên ngành hoặc ngành phù hợp với hướng nghiên cứu của NCS, có tham gia đào tạo sau đại học và các tiêu chuẩn sau:

- a) Có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ. Nếu có bằng tiến sĩ nhưng chưa có chức danh khoa học thì phải sau khi nhận bằng tiến sĩ từ 3 năm trở lên;
- b) Có các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học công bố trong 5 năm trở lại đây;
- c) Có tên trong thông báo của Trường về danh mục các đề tài, hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu dự định nhận NCS vào năm tuyển sinh;
- d) Có khả năng đặt vấn đề và hướng dẫn NCS giải quyết vấn đề khoa học đã đặt ra;

- d) Sử dụng tốt tiếng Anh phục vụ nghiên cứu chuyên ngành và trao đổi khoa học quốc tế;
- e) Có trách nhiệm cao để thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn NCS;
- g) Hiện không trong thời gian phải tạm dừng nhận NCS mới theo quy định tại khoản 5 Điều này.

2. Mỗi NCS có không quá hai người cùng hướng dẫn (người hướng dẫn thứ nhất và người hướng dẫn thứ hai). Người hướng dẫn thứ nhất là người hướng dẫn chính, chịu trách nhiệm đối với quá trình hoàn thành khoá học của NCS. Người hướng dẫn thứ hai là người hỗ trợ một số lĩnh vực được sự thống nhất của người hướng dẫn chính.

3. Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị, có nhiều kinh nghiệm trong hướng dẫn NCS có thể độc lập hướng dẫn NCS.

4. Giáo sư, Tiến sĩ khoa học được hướng dẫn cùng lúc không quá 5 NCS, phó giáo sư hoặc tiến sĩ được hướng dẫn cùng lúc không quá 3 NCS ở tất cả các Trường mà người đó được mời hướng dẫn, kể cả đồng hướng dẫn và kể cả NCS đã hết hạn đào tạo nhưng còn trong thời gian được phép quay lại Trường xin bảo vệ luận án theo quy định tại Điều 16. Mỗi người hướng dẫn có không quá 2 NCS của cùng một khoá.

5. Khi một người hướng dẫn có 2 NCS không hoàn thành luận án vì lý do chuyên môn thì sẽ tạm thời không được nhận thêm NCS. Khi có đến 3 NCS không hoàn thành luận án mà không có lý do chính đáng, người hướng dẫn này sẽ không được nhận hướng dẫn NCS trong thời gian ít nhất là 2 năm.

6. Khoa/Viện được mời các nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này tham gia hướng dẫn NCS.

Điều 19. Nhiệm vụ của người hướng dẫn NCS

1. Duyệt kế hoạch học tập và nghiên cứu của NCS.
2. Xác định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ cho NCS và đề xuất với Khoa/Viện để trình Hiệu trưởng quyết định.
3. Lên kế hoạch tuần, tháng, quý, năm làm việc với NCS. Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc NCS học tập và thực hiện đề tài luận án, tham gia hội nghị khoa học, duyệt và giúp NCS công bố các kết quả nghiên cứu.
4. Giúp đỡ NCS chuẩn bị báo cáo chuyên đề theo lịch trình của đơn vị chuyên môn; chuẩn bị bài giảng, tài liệu giảng dạy để tham gia giảng dạy, trợ giảng; hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học.
5. Có nhận xét về tình hình học tập, nghiên cứu, tiến độ đạt được của NCS trong các báo cáo định kỳ của NCS gửi đơn vị chuyên môn.
6. Duyệt luận án của NCS, xác nhận các kết quả đã đạt được và đề nghị cho NCS bảo vệ, nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định.
7. Các nhiệm vụ khác theo quy định của Hiệu trưởng.

Điều 20. Trách nhiệm của NCS

1. Trong quá trình đào tạo, NCS là thành viên chính thức của bộ môn, có trách nhiệm báo cáo kế hoạch để thực hiện chương trình học tập, nghiên cứu và đề cương nghiên cứu với bộ môn.

2. Trong quá trình học tập và thực hiện đề tài luận án, NCS phải thường xuyên gặp gỡ xin ý kiến và trao đổi chuyên môn với người hướng dẫn theo kế hoạch và lịch đã định; tham gia đầy đủ và có báo cáo chuyên đề tại các buổi sinh hoạt khoa học của bộ môn; viết báo cáo khoa học; viết ít nhất hai bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học có phản biện độc lập, theo danh mục tạp chí do Trường quy định; tham gia các sinh hoạt khoa học có liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu của mình ở trong và ngoài Trường; định kỳ báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu của mình với người hướng dẫn và bộ môn theo lịch do bộ môn quy định, ít nhất 4 lần một năm.

3. Trong quá trình học tập, NCS phải dành thời gian tham gia vào các hoạt động chuyên môn, trợ giảng, nghiên cứu, hướng dẫn sinh viên thực tập hoặc nghiên cứu khoa học tại Trường theo sự phân công của bộ môn.

4. Vào đầu mỗi năm học, NCS phải nộp cho bộ môn báo cáo kết quả học tập và tiến độ nghiên cứu của mình bao gồm: những học phần, số tín chỉ đã hoàn thành; kết quả nghiên cứu, tình hình công bố kết quả nghiên cứu; đề cương nghiên cứu chi tiết, kế hoạch học tập, nghiên cứu của mình trong năm học mới để bộ môn xem xét đánh giá.

5. NCS không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được liên hệ hoặc gặp gỡ với các thành viên Hội đồng cấp trường trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án như đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng; không được tiếp xúc để lấy các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học.

Điều 21. Trách nhiệm của Khoa/Viện

1. Tổ chức để Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS, đánh giá hồ sơ đăng ký dự tuyển và năng lực, tư chất của thí sinh. Lập biên bản đánh giá, xếp loại kết quả xét tuyển NCS trình Hiệu trưởng quyết định tuyển chọn.

2. Xem xét và thông qua Hội đồng Khoa học - Đào tạo Khoa/Viện trước khi trình Hiệu trưởng quyết định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ; các chuyên đề tiến sĩ; kế hoạch đào tạo đối với từng NCS; giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của NCS đó.

3. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ cho giảng viên và NCS, ít nhất mỗi tháng một lần, để NCS báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu; phân công NCS giảng dạy, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, đưa sinh viên đi thực hành, thực tập.

4. Quy định lịch làm việc của NCS với người hướng dẫn; lịch của bộ môn nghe NCS báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu trong năm học, 4 lần một năm (cuối mỗi quý). Tổ chức xem xét đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu; đánh giá tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu; đánh giá khả năng và triển vọng của NCS và đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc tiếp tục học tập đối với từng NCS.

5. Đề xuất với Hiệu trưởng danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập mà NCS phải gửi công bố kết quả nghiên cứu của mình, phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 23 của Quy định này; hướng dẫn, liên hệ và hỗ trợ NCS gửi công bố kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước.

6. Đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của NCS.

7. Thực hiện quản lý chặt chẽ NCS trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu. Quản lý việc đánh giá học phần, chuyên đề, tiểu luận tổng quan của NCS. Định kỳ 6 tháng một lần báo cáo Hiệu trưởng về tình hình học tập, nghiên cứu của NCS; đồng thời thông qua Hiệu trưởng gửi báo cáo này cho Thủ trưởng đơn vị công tác của NCS.

8. Tổ chức đánh giá luận án của NCS ở cấp cơ sở, xem xét thông qua hoặc hoãn lại việc đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp Trường.

9. Gửi tóm tắt luận án đến các nhà khoa học.

10. Tổ chức đào tạo theo chương trình đào tạo đã được duyệt. Tạo điều kiện để NCS được đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học trong và ngoài nước.

11. Hỗ trợ thiết bị, vật tư, tư liệu và các điều kiện cần thiết khác đảm bảo cho việc học tập và nghiên cứu của NCS như đối với cán bộ của đơn vị.

Điều 22. Trách nhiệm của nhà trường

1. Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm theo từng chuyên ngành đào tạo và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy đối với các chuyên ngành được phép đào tạo; lập hồ sơ gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo đăng ký chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ; phê duyệt danh mục các tạp chí khoa học uy tín, có phản biện độc lập mà NCS phải gửi công bố kết quả nghiên cứu theo từng chuyên ngành đào tạo.

3. Tổ chức tuyển sinh hàng năm theo chỉ tiêu đã được xác định.

4. Ra quyết định công nhận NCS, đề tài nghiên cứu, chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của NCS; quyết định xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo NCS như thay đổi đề tài, người hướng dẫn, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo hay chuyển cơ sở đào tạo cho NCS.

5. Tổ chức cho NCS bảo vệ luận án cấp trường.

6. Quản lý quá trình đào tạo, học tập và nghiên cứu của NCS; quản lý việc thi và cấp chứng chỉ các học phần, bảng điểm học tập; cấp giấy chứng nhận cho NCS đã hoàn thành chương trình đào tạo, đã bảo vệ luận án tiến sĩ trong thời gian thẩm định luận án; cấp bằng tiến sĩ và quản lý việc cấp bằng tiến sĩ theo quy định hiện hành.

7. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học thường niên; các hội thảo khoa học quốc tế. Xuất bản thường kỳ tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập của trường.

8. Xây dựng trang web và công bố công khai, cập nhật và duy trì trên trang web toàn văn luận án, tóm tắt luận án, những điểm mới của từng luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) từ khi chuẩn bị bảo vệ; danh sách NCS hàng năm; các đề tài nghiên cứu đang thực hiện; danh sách NCS đã được cấp bằng tiến sĩ.

9. Thực hiện đầy đủ chế độ lưu trữ và báo cáo cho Bộ.

10. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường trong đào tạo trình độ tiến sĩ và chịu trách nhiệm về toàn bộ các hoạt động đào tạo tại Trường.

11. Đăng ký kiểm định chất lượng đào tạo với cơ quan có thẩm quyền.

Chương IV **LUẬN ÁN VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN**

Điều 23. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Luận án tiến sĩ phải do NCS thực hiện và đáp ứng được những mục tiêu và yêu cầu tại Điều 13 quy định này. Luận án phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình.

Khuyến khích NCS viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.

2. Nội dung luận án tiến sĩ gồm có: mở đầu; tổng quan tình hình nghiên cứu, mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu; cơ sở lý luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu, bàn luận; kết luận và kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo; danh mục các công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án; danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục (nếu cần).

3. Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

4. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với Trường các văn bản của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho phép NCS sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ lấy bằng tiến sĩ.

5. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng. Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án không được duyệt để bảo vệ.

6. Danh mục công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái họ tên tác giả theo thông lệ quốc tế. Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận án.

7. Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án phải được báo cáo tại các hội nghị khoa học toàn quốc hàng năm của ngành khoa học, được công bố ít nhất trong hai bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập. Các tạp chí khoa học trong nước thuộc nhóm các tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục các tạp chí khoa học mà Trường quy định cho mỗi chuyên ngành đào tạo.

Khuyến khích NCS đăng bài trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín, các tạp chí do Viện Thông tin khoa học quốc tế ISI liệt kê tại địa chỉ

<http://scientific.thomson.com/isi/> hoặc các kỳ yếu Hội nghị khoa học quốc tế do một Nhà xuất bản quốc tế có uy tín ấn hành.

8. Quy cách trình bày luận án theo quy định của trường.

Điều 24. Đánh giá và bảo vệ luận án

1. Luận án tiến sĩ được tiến hành đánh giá qua hai cấp:

- a) Cấp cơ sở (Khoa/Viện);
- b) Cấp Trường.

2. Điều kiện để NCS được đề nghị bảo vệ luận án:

- a) Đã hoàn thành chương trình học tập dành cho NCS và luận án quy định tại Điều 10, 11, 12 và 13 của Quy định này;
- b) Luận án đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 13 và Điều 23 của Quy định này;
- c) Tập thể hoặc người hướng dẫn có văn bản khẳng định chất lượng luận án; nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của NCS và đề nghị cho NCS được bảo vệ luận án;
- d) NCS hiện không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Điều 25. Đánh giá luận án cấp cơ sở

1. Sau khi NCS đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 24 của Quy định này, Khoa/Viện đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

2. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm 7 thành viên, có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu, trong đó có 4 thành viên là cán bộ khoa học của đơn vị chuyên môn và của Trường; người hướng dẫn NCS là ủy viên hội đồng; và 2 nhà khoa học, chuyên gia ở ngoài trường. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, 2 phản biện và các ủy viên Hội đồng. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm. Đơn vị có thể mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm phản biện trong Hội đồng.

3. Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án và viết nhận xét và gửi lại cho Thư ký hội đồng trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.

4. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra 1 trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- đ) NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

5. Phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở là một buổi sinh hoạt khoa học của đơn vị chuyên môn, được tổ chức để các thành viên đơn vị chuyên môn và những người quan tâm tham dự. Trước khi luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp Trường, Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở tổ chức từ một đến nhiều phiên họp khi luận án vẫn còn những điểm cần sửa chữa, bổ sung. Các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ

sở phải có nhận xét chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu NCS sửa chữa, bổ sung.

Luận án chỉ được thông qua để đưa ra bảo vệ ở Hội đồng cấp Trường khi đã được hoàn chỉnh trên cơ sở các ý kiến đóng góp trong các phiên họp trước của Hội đồng và được 3/4 số thành viên Hội đồng cấp cơ sở có mặt tại phiên họp cuối cùng bỏ phiếu tán thành.

6. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở thông qua danh sách các đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án của NCS và trình Hiệu trưởng quyết định, nơi gửi tóm tắt luận án bao gồm các cơ quan, đơn vị, cá nhân có trình độ tiến sĩ trở lên, cùng ngành hoặc chuyên ngành, đã và đang nghiên cứu hoặc có thể ứng dụng những vấn đề trong luận án, trong đó số lượng cá nhân thuộc Trường không quá 1/4 tổng số các cá nhân được gửi tóm tắt luận án.

7. Việc đánh giá luận án tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học, tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét đánh giá luận án của NCS.

8. Trình tự tiến hành buổi đánh giá luận án cấp cơ sở:

- a) Đại diện Khoa/Viện tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở;
- b) Chủ tịch Hội đồng điều khiển buổi họp đánh giá luận án.;
- c) NCS trình bày nội dung luận án, thời gian trình bày 30 phút;
- d) Hai người phản biện đọc nhận xét;
- đ) Người hướng dẫn đọc nhận xét;
- e) Các thành viên Hội đồng và những người tham dự đặt câu hỏi hoặc phát biểu ý kiến về những kết quả đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được, những điểm cần bổ sung hoặc sửa chữa;
- g) NCS trả lời các câu hỏi và các ý kiến trao đổi;
- h) Nếu không còn vấn đề tranh luận hoặc các vấn đề đã được làm rõ, Hội đồng họp riêng. Từng thành viên Hội đồng ghi ý kiến nhận xét vào phiếu nhận xét (theo mẫu) và phải ghi rõ tán thành hay chưa tán thành để luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Trường. Dựa vào nhận xét của các thành viên, Hội đồng thảo luận để thông qua kết luận của Hội đồng;
- i) Chủ tịch Hội đồng công bố kết luận của Hội đồng;
- k) Nếu luận án đạt yêu cầu thì Hội đồng thông qua danh sách những cơ quan và cá nhân để gửi tóm tắt luận án;
- l) Hoàn thành biên bản cuộc họp đánh giá (theo quy định).

Điều 26. Hồ sơ đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp trường

1. Trên cơ sở ý kiến kết luận của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở, Khoa/Viện lập hồ sơ gửi Hiệu trưởng đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp Trường.

2. Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án cấp trường của NCS gồm:

- a) Biên bản chi tiết nội dung thảo luận tại các phiên họp đánh giá luận án cấp Khoa/Viện, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng bảo vệ luận án cấp cơ sở và Thư ký;
- b) Bản giải trình các điểm đã bổ sung và sửa chữa của NCS sau mỗi phiên họp của Hội đồng, có chữ ký xác nhận và đồng ý của hai người phản biện luận án, những thành viên có ý kiến đề nghị bổ sung sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng và thủ trưởng đơn vị chuyên môn;
- c) Hai bản nhận xét của 2 người phản biện luận án;
- d) Bản nhận xét người hướng dẫn hoặc tập thể người hướng dẫn;
- đ) Danh sách các đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án;
- e) Giới thiệu danh sách thành viên Hội đồng cấp trường (theo mẫu);
- g) Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ (nếu có);
- h) Bản sao hợp lệ bằng điểm các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ, các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, điểm tiêu luận tổng quan và chứng chỉ Anh văn của NCS;
- i) Bản sao quyết định công nhận NCS và quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);
- k) Bản kê khai danh mục và sao chụp 2 bộ những bài báo, công trình công bố liên quan đến đề tài luận án của NCS;
- l) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có công trình đồng tác giả);
- m) 2 quyển luận án, 2 quyển tóm tắt luận án và 2 bản đề cương nghiên cứu không có thông tin của NCS và người hướng dẫn;
- n) Trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh). Nội dung gồm: tên luận án; tên chuyên ngành và mã số; tên NCS và khoá đào tạo; chức danh khoa học, học vị, tên người hướng dẫn; tên Trường; nội dung ngắn gọn những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, những luận điểm mới rút ra được từ kết quả nghiên cứu, khảo sát của luận án; chữ ký và họ tên của người hướng dẫn và NCS;
- o) Các phiếu nhận xét của các thành viên Hội đồng cơ sở.

Điều 27. Phản biện độc lập

1. Trước khi thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, Hiệu trưởng xin ý kiến của 2 phản biện độc lập về luận án. Phản biện độc lập là những nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, có trình độ chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực đề tài nghiên cứu của NCS, có phẩm chất và đạo đức tốt, có uy tín khoa học cao, có chính kiến và bản lĩnh khoa học.

Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Trường trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho NCS bảo vệ luận án.

2. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của Trường. Đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn và NCS không được tìm hiểu về phản biện độc lập. Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn

thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

3. Khi cả 2 phản biện độc lập tán thành luận án, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường cho NCS. Khi có một phản biện độc lập không tán thành luận án, Trường gửi luận án xin ý kiến của phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp trường.

4. Luận án bị trả về để đánh giá lại ở cấp cơ sở nếu cả 2 phản biện độc lập đầu tiên không tán thành luận án, hoặc phản biện thứ ba không tán thành khi luận án phải lấy ý kiến của phản biện thứ ba. Trường hợp này, luận án phải được chỉnh sửa và tổ chức bảo vệ lại ở cấp cơ sở. NCS chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ sớm nhất sau 6 tháng và chậm nhất là 2 năm kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu.

5. Phản biện độc lập phải có học vị tiến sĩ và am hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án.

Điều 28. Đánh giá luận án cấp trường

1. Hội đồng đánh giá luận án cấp trường gồm 7 thành viên, bao gồm những nhà khoa học có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ; có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín chuyên môn; am hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án; có công trình liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của NCS công bố trong vòng 3 năm tính đến khi được mời tham gia Hội đồng. Số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư ít nhất là 4 người; thành viên là tiến sĩ phải sau khi nhận bằng 3 năm. Số thành viên thuộc Trường không quá 3 người.

2. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 3 người phản biện và các ủy viên. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhận một trách nhiệm. Chủ tịch Hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, đúng chuyên ngành với luận án. Các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó. Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án. Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của NCS, không là đồng tác giả với NCS trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; không sinh hoạt trong cùng đơn vị chuyên môn với NCS. Các ủy viên hội đồng phải đọc và có bản nhận xét về luận án của NCS và gửi về Trường trước ngày bảo vệ luận án 15 ngày.

Hội đồng đánh giá luận án cấp trường:

- a) Chủ tịch Hội đồng phải là người có cùng chuyên ngành với đề tài luận án; có kinh nghiệm trong đào tạo và trong chỉ đạo, điều khiển các buổi bảo vệ luận án; chịu trách nhiệm về các hồ sơ liên quan đến việc bảo vệ;
- b) Thư ký hội đồng là người có cùng chuyên ngành với đề tài luận án và hiểu biết các thủ tục bảo vệ luận án, có nhiệm vụ kiểm tra và chịu trách nhiệm về các hồ sơ của NCS;
- c) Các phản biện là những người am hiểu sâu luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực đề tài của NCS, có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án, không là đồng tác giả trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án. Trong 3 người phản biện, phải có ít nhất 1 người có học hàm giáo sư, phó giáo sư và tối thiểu là 2 phản biện ngoài Trường.

3. Người hướng dẫn NCS; người có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với NCS không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

Điều 29. Yêu cầu, điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án cấp trường

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường khi đảm bảo đủ các yêu cầu.

2. Điều kiện để tổ chức cho NCS bảo vệ luận án:

- a) Toàn văn luận án, tóm tắt luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) và trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, luận điểm mới về khoa học và thực tiễn của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) đã được đăng tải công khai trên trang web của Trường và trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gửi đến địa chỉ email duatin@moet.edu.vn) trước ngày bảo vệ ít nhất 30 ngày;
- b) Luận án, tóm tắt luận án đã được trưng bày ở phòng đọc của Trung tâm học liệu Trường trước ngày bảo vệ ít nhất 30 ngày;
- c) Luận án, tóm tắt luận án đã được gửi đến các thành viên Hội đồng. Có ít nhất 10 bản nhận xét tóm tắt luận án của các nhà khoa học, các tổ chức khoa học theo danh sách đã được Hiệu trưởng phê duyệt khi gửi tóm tắt luận án;
- d) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi đến Trường 15 ngày trước ngày bảo vệ luận án của NCS;
- đ) Văn bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng phải đánh giá đầy đủ, cụ thể về bố cục và hình thức của luận án; về nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được, trong đó phải nêu bật được những luận điểm mới của luận án (theo mẫu);
- e) Ngày bảo vệ, địa điểm bảo vệ luận án, tên đề tài luận án của NCS đã được công bố công khai, rộng rãi trên trang web của Trường, trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trên bảng tin của Trường và của đơn vị chuyên môn, trên báo địa phương hoặc trung ương, trước ngày bảo vệ ít nhất 10 ngày để những người quan tâm có thời gian tìm hiểu luận án và tham dự phiên bảo vệ.

3. Hội đồng không tổ chức họp để đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt chủ tịch hội đồng;
- b) Vắng mặt thư ký hội đồng;
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên;
- đ) NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- e) Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng chấm luận án trong trường hợp bất khả kháng như thành viên Hội đồng đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng, hoặc khi có thành viên Hội đồng không đảm bảo các điều kiện yêu cầu quy định. Các thời hạn quy định, liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án, được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

5. Trong thời hạn tối đa là 3 tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án cho NCS. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán. Sau thời gian này, NCS có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 7 Điều 16 và khoản 2 Điều 24 của Quy định này. Hiệu trưởng quyết định việc đưa luận án ra bảo vệ. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án thực hiện như đối với NCS bảo vệ luận án lần đầu, về luận án tiến sĩ.

Điều 30. Tổ chức bảo vệ luận án

1. Luận án phải được tổ chức bảo vệ công khai.

Việc bảo vệ luận án mang tính chất trao đổi học thuật, phải bảo đảm tính nguyên tắc và nêu cao đạo đức khoa học, qua đó tác giả luận án thể hiện trình độ và sự hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn của mình trước những thành viên trong Hội đồng và những người quan tâm. Mọi thành viên Hội đồng phải có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá.

Người hướng dẫn khoa học không là thành viên Hội đồng, nhưng được mời tham dự buổi bảo vệ và đọc nhận xét quá trình làm việc của NCS.

Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phản hồi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

2. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án đạt yêu cầu khi có 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành.

3. Trình tự tiến hành buổi đánh giá luận án cấp trường:

- a) Đại diện Trường tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và mời Chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp;
- b) Chủ tịch Hội đồng công bố danh sách thành viên có mặt, các điều kiện để được tiến hành đánh giá luận án cấp trường quy định tại Điều 29 và công bố chương trình làm việc;
- c) Thư ký Hội đồng đọc lý lịch khoa học của NCS và các điều kiện cần thiết để NCS được bảo vệ luận án;
- d) Các thành viên hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi hoặc ý kiến thắc mắc (nếu có) về lý lịch khoa học và quá trình đào tạo của NCS;
- đ) NCS trình bày nội dung luận án, thời gian không quá 30 phút;
- e) Các phản biện đọc nhận xét;
- g) Thư ký Hội đồng đọc bản tổng hợp các nhận xét của các nhà khoa học nhận xét tóm tắt luận án;
- h) Các thành viên Hội đồng và những người tham dự đóng góp ý kiến và nêu câu hỏi với NCS;
- i) NCS trả lời các câu hỏi;
- k) Người hướng dẫn đọc nhận xét;
- l) Hội đồng họp riêng, bầu ban kiểm phiếu (3 người gồm 1 trưởng ban và 2 ủy viên), bỏ phiếu kín và thảo luận thông qua quyết nghị của Hội đồng;

- m) Trưởng ban kiểm phiếu công bố biên bản kiểm phiếu;
- n) Chủ tịch Hội đồng công bố kết quả đánh giá luận án và đọc quyết nghị của Hội đồng quy định tại mục 4 Điều này;
- o) NCS phát biểu ý kiến;
- p) Chủ tịch Hội đồng tuyên bố kết thúc buổi bảo vệ.

4. Hội đồng phải có nghị quyết về luận án, trong đó nêu rõ:

- a) Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của Hội đồng;
- b) Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm mới, đóng góp mới của luận án.
- c) Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án;
- d) Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu của luận án;
- đ) Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án;
- e) Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án;
- g) Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- h) Kiến nghị của Hội đồng về việc công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho NCS.

5. Nghị quyết của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua bằng biểu quyết công khai.

6. Sau khi NCS hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án (nếu có) theo nghị quyết của Hội đồng và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của NCS để lưu tại Trường và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

Điều 31. Bảo vệ lại luận án

1. Nếu luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua thì NCS được phép sửa chữa luận án và viết giấy tường trình gửi Trường đề nghị bảo vệ lần thứ hai, thời gian muộn nhất trước 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án như Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất. Nếu có thành viên vắng mặt, Hiệu trưởng bổ sung thành viên khác thay thế.

3. Không tổ chức bảo vệ luận án lần thứ ba.

4. Quá thời hạn 24 tháng kể ngày bảo vệ lần thứ nhất, luận án không được đưa ra bảo vệ.

Chương V

THẨM ĐỊNH LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 32. Thẩm định luận án

1. Cuối các tháng chẵn trong năm, Trường gửi báo cáo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bảo vệ luận án của NCS của Trường.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ xác định các luận án cần thẩm định theo cách lựa chọn ngẫu nhiên hoặc khi luận án bị khiếu nại, tố cáo hoặc khi có nghi vấn trong quá trình đào tạo, quá trình hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án.

3. Sau ngày bảo vệ ít nhất là 3 tháng, nếu NCS không bị khiếu nại tố cáo, không có tên trong danh sách cần thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường sẽ thông báo cho NCS hoàn thiện hồ sơ cấp bằng tiến sĩ theo Điều 29 của Quy định này.

4. Những luận án cần thẩm định, Trường sẽ thông báo cụ thể cho NCS khi có phản hồi từ Hội đồng thẩm định luận án của Bộ.

Điều 33. Xử lý kết quả thẩm định

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định và không có yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa của Hội đồng thẩm định, Hiệu trưởng thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho NCS theo quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Quy định này.

2. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định nhưng có ý kiến yêu cầu phải sửa chữa của Hội đồng thẩm định, Hội đồng đánh giá luận án cấp trường cùng với người hướng dẫn và NCS xem xét và quyết định các điểm cần bổ sung chỉnh sửa. Sau khi NCS hoàn thành việc sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp trường kiểm tra và xác nhận chi tiết những nội dung đã bổ sung chỉnh sửa, báo cáo Hiệu trưởng cấp bằng tiến sĩ cho NCS theo các yêu cầu quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Quy định này.

3. Đối với luận án không đạt yêu cầu thẩm định, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản yêu cầu Hiệu trưởng tổ chức họp lại Hội đồng đánh giá luận án để xem xét. Tùy theo mức độ đánh giá của Hội đồng, Hiệu trưởng sẽ ra quyết định xử lý đối với luận án của NCS theo một trong các hình thức: yêu cầu NCS sửa chữa luận án mà không cần bảo vệ lại; yêu cầu NCS sửa chữa và bảo vệ lại; yêu cầu NCS tiến hành nghiên cứu bổ sung, sửa chữa và bảo vệ lại.

4. Thời gian cho phép NCS hoàn thành việc bổ sung, chỉnh lý luận án nhiều nhất là 12 tháng kể từ ngày Hội đồng đánh giá luận án cấp trường họp và quyết định. Việc tổ chức cho NCS bảo vệ lại thực hiện theo Điều 31 của Quy định này. Sau khi NCS hoàn thành yêu cầu theo quyết định xử lý, Hiệu trưởng có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thực hiện của NCS. Những NCS phải bảo vệ lại, quy trình tiếp theo thực hiện như NCS bảo vệ lần đầu.

5. Khoa/Viện có từ 30% trở lên số luận án không đạt yêu cầu thẩm định trong năm sẽ bị dừng tuyển sinh ít nhất trong 1 năm kế tiếp; có từ 30% trở lên số luận án không đạt yêu cầu thẩm định trong 2 năm liên tiếp sẽ bị dừng việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án ít nhất trong 1 năm kế tiếp. Việc dừng các hoạt động này được thông báo công khai trên trang web của Trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong thời gian bị dừng các hoạt động tuyển sinh, thành lập Hội đồng đánh giá luận án, Khoa/Viện phải có các giải pháp khắc phục, báo cáo kết quả với Trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét việc cho phép tiếp tục tuyển sinh, tổ chức Hội đồng đánh giá luận án.

Điều 34. Hoàn thiện hồ sơ cấp bằng tiến sĩ

1. Khi nhận được thông báo hoàn thiện hồ sơ cấp bằng tiến sĩ, (quy định tại khoản 3 Điều 32 của Quy chế này) NCS nộp cho Khoa/Viện, Trung tâm học liệu trường và Thư viện Quốc gia Việt Nam mỗi nơi một bản luận án và một bản tóm tắt luận án (bao gồm bản in trên giấy và bản ghi trên đĩa CD).

2. Bản luận án nộp các Thư viện gồm hai phần:
- a) Phần một là toàn văn bản luận án đã được bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường, Hội đồng thẩm định (nếu có);
 - b) Phần hai là các tài liệu của phiên họp bảo vệ, đánh giá luận án cấp trường, đóng quyển cùng với luận án, bao gồm:
 - Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và danh sách thành viên Hội đồng;
 - Các bản nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng;
 - Biên bản và nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;
 - Văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa trong luận án (nếu có) theo nghị quyết của Hội đồng cấp trường, có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.
3. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của NCS bao gồm:
- a) Biên bản chi tiết diễn biến của buổi bảo vệ luận án, câu hỏi của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án và những người tham dự, trả lời của NCS cho từng câu hỏi;
 - b) Nghị quyết của Hội đồng;
 - c) Các bản nhận xét của tất cả các thành viên của Hội đồng, của các cơ quan và các nhà khoa học gửi tới Hội đồng;
 - d) Biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá;
 - đ) Bản nhận xét, đánh giá của tập thể hướng dẫn NCS;
 - e) Danh sách Hội đồng có chữ ký của các thành viên tham dự buổi bảo vệ;
 - g) Giấy biên nhận luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;
 - h) Tờ báo đăng tin hay bản sao chụp bản tin đăng báo ngày bảo vệ;
 - i) Bản in trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án trên trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 35. Cấp bằng tiến sĩ

Trường xem xét các hồ sơ đạt các yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 34 của Quy định này và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho NCS.

Chương VI

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA, VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 36. Khiếu nại, tố cáo

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và người bảo vệ luận án có thể khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong quá trình tuyển sinh, đào tạo, thực hiện luận án, tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án, trong thời gian 2 tháng kể từ ngày bảo vệ luận án.

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

Điều 37. Thanh tra, kiểm tra

Hàng năm, Phòng Thanh tra pháp chế của Trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường theo các quy định hiện hành.

Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo; chương trình và quy trình đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá luận án các cấp; việc cấp bằng tiến sĩ; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của trường. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho Trường.

Điều 38. Xử lý vi phạm

1. NCS bị phát hiện đã có những vi phạm, gian lận trong hồ sơ dự tuyển, trong quá trình dự tuyển, dự kiểm tra và đánh giá kết quả học tập nghiên cứu, trong quá trình thực hiện và bảo vệ luận án thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến thu hồi văn bằng đã được cấp hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. NCS vi phạm các quy định tại khoản 5 Điều 20 của Quy định này sẽ bị xử lý từ khiển trách, cảnh cáo đến hủy bỏ kết quả học tập, hủy bỏ quyền được bảo vệ luận án. Nếu thông tin về người phản biện độc lập bị tiết lộ thì những người liên quan đến quá trình gửi luận án đi xin ý kiến phản biện độc lập bị xem xét kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến buộc thôi việc.

3. Trường hợp phát hiện có vi phạm, sai sót trong quá trình tuyển sinh, đào tạo hay đánh giá luận án, cấp bằng tiến sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ có văn bản đề nghị Trường xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền. Nếu Trường phát hiện sai phạm thì sẽ xử lý theo thẩm quyền của Trường.

Điều 36. Tổ chức thực hiện

Quy định này áp dụng đối với NCS xét tuyển từ năm 2010; những NCS đã tuyển trước 2010 nhưng chưa bảo vệ luận án thì thời gian thực hiện và trình luận án được áp dụng tại khoản 7 Điều 16 quy định này; những trường hợp bảo vệ luận án cấp cơ sở từ 01/01/2012 về sau sẽ áp dụng điều kiện về ngoại ngữ và chương trình đào tạo quy định tại Điều 9, 10, 11 và 15 của Quy định này.

HIỆU TRƯỞNG